

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Huế (sau đây gọi tắt là Kế hoạch), với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU

1. Mục đích: Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao cho thành phố trong Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Huế theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 411/QĐ-TTg).

2. Mục tiêu

2.1. Phát triển kinh tế số

a) Mục tiêu cơ bản năm 2026

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 18% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 12%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 12%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 82%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 52%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

2.2. Phát triển xã hội số

a) Mục tiêu cơ bản năm 2026

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 30%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 50%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 60%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;
- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt 75%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 60%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%;
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%;
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%;

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt trên 95%;
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95%.

II. CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ

1. Thể chế

- a) Phối hợp xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số; chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực.
- b) Phối hợp xây dựng, báo cáo và tổ chức triển khai khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sand box) cho phép phát triển, cung cấp các dịch vụ số chưa được quy định bởi pháp luật, có thể giám sát được bằng công nghệ số tại thành phố để hình thành trung tâm phát triển kinh tế số và xã hội số.
- c) Phối hợp xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực.

2. Hạ tầng

- a) Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai kế hoạch, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số trên địa bàn thành phố.
- b) Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng 4G, hướng đến phủ sóng 5G đến tất cả các thôn, xóm, khu vực dân sinh trên toàn thành phố; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.
- c) Tập trung nguồn lực xây dựng phát triển Khu công nghệ thông tin tập trung, Khu công nghệ cao để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp số, nhân lực số.

3. Nền tảng số

- a) Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số trên địa bàn thành phố; nâng cấp nền tảng Hue-S theo hướng cung cấp toàn diện các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho doanh nghiệp và người dân.

b) Phối hợp nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nền tảng số quốc gia.

4. Dữ liệu số

a) Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu và phát triển nhân lực dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, văn hóa, thể thao và du lịch tại thành phố. Bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác, sử dụng một cách dễ dàng.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp thành phố, kết nối liên thông, mở chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu của thành phố vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

5. An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

Triển khai theo chương trình, đề án, kế hoạch của Trung ương.

a) Hình thành Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) trực thuộc Công an thành phố đảm bảo theo tiêu chí chuyên đổi số. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ, Công an thành phố với các cơ quan, tổ chức an toàn thông tin của Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ,... triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Tập trung hoàn thiện xác thực định danh công dân khi tham gia vào các nền tảng số đảm bảo theo quy định của Chính phủ. Khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số công cộng trong các giao dịch số.

c) Triển khai đồng bộ các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin: hệ thống phòng chống virus tập trung, phòng chống mã độc, mô hình bảo đảm an toàn thông tin mạng 4 lớp. Định kỳ tổ chức đánh giá mức độ an toàn thông tin cho các nền tảng số của thành phố. Định kỳ phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng, triển khai kế hoạch diễn tập đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng cấp thành phố nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho lực lượng chuyên trách trong công tác đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng.

d) Tổ chức triển khai toàn diện các giải pháp, ứng dụng quốc gia về an toàn thông tin cho cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

6. Nhân lực số

a) Xây dựng và tổ chức kết nối cơ quan nhà nước với các trường đại học, cao đẳng, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp; tổ chức các chương trình thực tập ngắn hạn, thường xuyên để tăng cơ hội tiếp xúc nghề nghiệp cho sinh viên từ đó định hướng cho công việc tương lai và bổ sung nguồn lực kỹ thuật cho các doanh nghiệp. Triển khai các nền tảng số cho doanh

nghiệp để thúc đẩy đào tạo kỹ năng số cho người lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotic để triển khai.

c) Xây dựng và định kỳ hàng năm công bố báo cáo dự báo về nhu cầu thị trường nhân lực và tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại thành phố để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế, giới thiệu một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới.

7. Kỹ năng số, công dân số và văn hóa số

a) Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.

b) Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số, và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số.

c) Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian mạng. Tăng cường tuyên truyền, khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng nền tảng Hue-S trong tiếp cận dịch vụ số và tương tác với chính quyền.

8. Doanh nghiệp số

a) Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số tại thành phố.

b) Triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp. Vận hành Cổng thông tin chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp.

c) Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nỗ lực tăng mức độ chuyển đổi số.

d) Xây dựng và triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp,

hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử.

9. Thanh toán số

Triển khai theo chương trình, đề án, kế hoạch của Trung ương.

Đẩy mạnh phát triển, tích hợp triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt triển khai các giải pháp Mobile Money cho các đối tượng khó tiếp cận công nghệ, vùng xa, vùng sâu. Sớm hình thành phương thức và văn hóa tiêu dùng mới trong xã hội.

III. CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Triển khai tại thành phố các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp và Môi trường; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ; Thương mại-Công nghiệp; Du lịch mà các bộ ngành liên quan chủ trì.

2. Các ngành, lĩnh vực khác

a) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, chuyển dịch từ sản xuất truyền thống sang kinh tế số ngành, hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; ứng dụng các nền tảng số ngành phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và người dân.

b) Tổ chức triển khai nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt và người dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất, kinh doanh trong ngành, lĩnh vực; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho doanh nghiệp và người dân.

c) Tổ chức triển khai nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành.

d) Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực; đào tạo công nghệ số chuyên ngành, chuyển đổi số chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học trong ngành, lĩnh vực.

đ) Tiếp tục phát triển các sản phẩm công nghệ văn hóa kết hợp giữa mô hình vật lý và chip NFC định danh. Mỗi sản phẩm không chỉ là vật lưu niệm mà còn là một "chìa khóa số" để người dùng truy cập vào kho nội dung độc bản về lịch sử triều Nguyễn.

e) Triển khai định danh duy nhất cho các cổ vật tiêu biểu bằng NFC và Blockchain, xây dựng không gian triển lãm ảo cho phép du khách toàn cầu tương tác đa chiều với cổ vật 3D.

f) Thúc đẩy phát triển công nghiệp nội dung số và truyền thông số: Tập trung sản xuất các sản phẩm nội dung số đa dạng, có tính tương tác cao gắn với quảng bá văn hóa, di sản và các giá trị đặc trưng của thành phố; triển khai

các chiến dịch truyền thông số theo chủ đề để tạo sức lan tỏa, góp phần phát triển kinh tế số từ góc độ văn hóa và du lịch.

g) Hoàn thiện mô hình thông tin công trình di sản, sử dụng dữ liệu quét 3D để cung cấp dịch vụ cho các đơn vị có nhu cầu theo hình thức thuê bản quyền dữ liệu số.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy

a) Tổ chức hiệu quả hoạt động Ban chỉ đạo Khoa học công nghệ, Đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của thành phố và đề án 06.

b) Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng tổ dân phố, thôn, xóm với các tổ viên là cán bộ kiêm nhiệm và các thành viên tại chỗ năng nổ, nhiệt tình, được đào tạo về kỹ năng số để phổ biến hướng dẫn, trợ giúp người dân sử dụng công nghệ số và các nền tảng số “Make in Việt Nam”, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ rộng khắp thành phố.

c) Tổ chức, phân công đơn vị là đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm triển khai, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ trong thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2026, định hướng đến năm 2030.

2. Hợp tác trong nước

a) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số xuất sắc, chất lượng cao.

b) Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

3. Hợp tác quốc tế

a) Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào thành phố Huế phù hợp với nội dung Kế hoạch.

b) Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, tranh thủ các nguồn đầu tư, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế liên quan đến phát triển kinh tế số, xã hội số.

c) Thực thi nghiêm túc, hiệu quả các cam kết quốc tế, trong đó có các cam kết liên quan đến kinh tế số, thương mại số.

4. Nghiên cứu, phát triển

a) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ bản sao số, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường, dữ liệu lớn, kết hợp với các công nghệ mở, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Xây dựng và triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ số mang đặc thù của thành phố, tạo lợi thế cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

c) Thúc đẩy mạnh mẽ khởi nghiệp sáng tạo về kinh tế số, đặc biệt là kinh tế số nền tảng và kinh doanh trực tuyến.

d) Xây dựng các khu nghiên cứu phát triển, thử nghiệm, ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp phát triển kinh tế số: hỗ trợ thử nghiệm các mô hình kinh doanh mới, ươm tạo, khởi nghiệp về kinh tế số; khuyến khích hình thành các trung tâm xúc tiến chuyển đổi số tại các khu công nghiệp; thí điểm áp dụng các mô hình doanh nghiệp công nghệ chuyên ngành tham gia cung cấp các dịch vụ chuyên môn các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo; khảo sát, lập danh mục các doanh nghiệp có mô hình ngành nghề mới dựa trên ứng dụng và phát triển công nghệ số để tháo gỡ vướng mắc, hỗ trợ phát triển.

đ) Học hỏi mô hình chuyển đổi số của các doanh nghiệp lớn của các thành phố thành lớn. Xây dựng các doanh nghiệp chuyển đổi số điển hình, các mô hình mẫu, ứng dụng mẫu chuyển đổi số phù hợp đặc trưng của từng ngành, lĩnh vực, địa phương; thúc đẩy các doanh nghiệp hạt nhân đầu tư nghiên cứu, xây dựng các nền tảng số chuyên ngành, hỗ trợ chuyển giao cho các đối tác cùng ứng dụng, kết nối.

5. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức

a) Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo về phát triển kinh tế số, xã hội số của thành phố và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

b) Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông từ cấp thành phố đến cấp xã. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

c) Đẩy mạnh truyền thông, hướng dẫn và thúc đẩy người dân, doanh nghiệp khai thác hiệu quả nền tảng Hue-S; đồng thời tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện nền tảng bảo đảm tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; mở rộng cung cấp các dịch vụ tiện ích số theo hướng thuận tiện, dễ sử dụng, góp phần thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn thành phố.

6. Đo lường, giám sát triển khai

Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này ở cấp thành phố.

7. Bảo đảm kinh phí

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các sở, ngành, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch để phát triển kinh tế số và xã hội số.

b) Ưu tiên kinh phí từ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp, dự án thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

c) Các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo bố trí kinh phí từ ngân sách tự chủ của mình để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao thuộc Kế hoạch.

8. Giảm thiểu các tác động tiêu cực của phát triển kinh tế số, xã hội số

a) Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn thành phố; trong đó, trọng tâm là đánh giá ảnh hưởng của công nghệ đối với các ngành, nghề và triển vọng việc làm để đưa ra phương án chuyển đổi phù hợp với chiến lược phát triển của quốc gia và của thành phố. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi cho các đối tượng chịu nhiều tác động, có khả năng bị thay thế bởi máy móc nhất. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo phát triển trợ lý ảo để hỗ trợ người dân 24/7 mọi lúc, mọi nơi.

c) Hình thành các điểm thu gom sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông hư hỏng, hết hạn sử dụng, rác thải công nghệ, rác thải điện tử; đẩy mạnh áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hướng tới một môi trường xanh và bảo vệ sức khỏe của người dân.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, đôn đốc các sở ban ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; kiểm tra, giám sát, định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo cấp trên tình hình thực hiện Kế hoạch.

b) Tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch vào năm 2030.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b khoản 1 Mục II; điểm a, b khoản 2 Mục II; điểm a, b khoản 3 Mục II; điểm a, b, c khoản 4 Mục II; điểm a, b, c khoản 7 Mục II; điểm b, d khoản 8 Mục II; điểm a khoản 1 Mục IV; điểm a, b, c, d khoản 4 và điểm a, b khoản 5 Mục IV theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ và các cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 6, 7 Mục II và khoản 3 Mục II theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành và tổ chức, doanh nghiệp liên quan thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 3 Mục II của Kế hoạch; xây dựng kế hoạch sử dụng các nền tảng số quốc gia.

e) Phối hợp triển khai nền tảng số quốc gia trên địa bàn thành phố đối với: nền tảng điện toán đám mây; nền tảng địa chỉ số; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; nền tảng hợp trực tuyến thể hệ mới; nền tảng học kỹ năng trực tuyến mở (MOOCS); nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân; nền tảng trí tuệ nhân tạo; nền tảng thiết bị IoT; nền tảng mạng xã hội thể hệ mới; nền tảng quản trị tổng thể; nền tảng kế toán dịch vụ; nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC); nền tảng trung tâm giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC); nền tảng trợ lý ảo; Nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng.

g) Chủ trì, phối hợp với Công an thành phố và tổ chức, doanh nghiệp liên quan thực hiện nhiệm vụ tại khoản 5 Mục II theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

h) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại các Phụ lục kèm theo và các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì tổng hợp, tham mưu UBND thành phố cân đối, bố trí vốn chi thường xuyên hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan để triển khai Kế hoạch.

b) Thực hiện các giải pháp tại khoản 7 Mục VI; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ tại điểm a khoản 8 Mục II; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ tại điểm b, c khoản 8 Mục II và các giải pháp tại điểm c, d khoản 4 Mục IV theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 6 và khoản 7 Mục IV; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Nội vụ

a) Chủ trì thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ tại điểm c khoản 6 Mục II, giải pháp tại điểm b khoản 8 Mục IV theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ sở đào tạo thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, b khoản 6 Mục II; khoản 1 Mục III; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại các điểm thuộc khoản 1 Mục III; phối hợp triển khai các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn thành phố; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao. Triển khai các nền tảng số quốc gia trên địa bàn thành phố đối với nền tảng bản đồ số; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Sở Y tế: chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại các điểm thuộc khoản 1 Mục III; triển khai các nền tảng số quốc gia trên địa bàn thành phố đối với nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa, nền tảng quản lý tiêm chủng, nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử, nền tảng trạm y tế xã; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Sở Công Thương:

Hỗ trợ phát triển, hoàn thiện hạ tầng thương mại điện tử thông qua việc hỗ trợ xây dựng website thương mại điện tử.

Phối hợp tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại số, kết nối cung cầu; nâng cao năng lực số cho người dân và doanh nghiệp và tăng cường quản lý chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong môi trường số.

Chủ trì thực hiện giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

8. Sở Văn hóa và Thể thao: chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 1 Mục III; triển khai các nền tảng số quốc gia trên địa bàn thành phố đối với nền tảng bảo tàng số, thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Sở Du lịch: chủ trì thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 1 Mục III; triển khai các nền tảng số quốc gia trên địa bàn thành phố đối với nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

10. Công an thành phố: chủ trì triển khai triển khai các nền tảng số quốc gia đối với nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử trên địa bàn thành phố; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ tại khoản 5 Mục II; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

11. Các sở ban ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục và các nhiệm vụ khác trong Kế hoạch này phù hợp chức năng nhiệm vụ được giao.

b) Căn cứ nội dung Kế hoạch này xây dựng và triển khai kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch hàng năm phát triển kinh tế số và xã hội số; bổ sung, cập nhật, đồng bộ các nội dung của Kế hoạch này và kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số với các quy hoạch, kế hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, địa phương.

c) Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển kinh tế số, xã hội số của ngành, địa phương mình, Ủy ban nhân dân cấp xã có giải pháp ưu tiên chi cho chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, bảo đảm mức đầu tư cho chuyển đổi số đạt 1% tổng chi ngân sách địa phương.

d) Kiểm tra, đánh giá, báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ.

12. Trung tâm Công nghệ thông tin thành phố

a) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ tại điểm c khoản 2 Mục II.

b) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục và các nhiệm vụ khác trong Kế hoạch này phù hợp chức năng nhiệm vụ được giao.

13. Viện Nghiên cứu phát triển thành phố: chủ trì thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ tại các Phụ lục theo phân công và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

14. Đại học Huế và các đơn vị đào tạo: Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được phân công tại Phụ lục và các nhiệm vụ khác trong Kế hoạch này phù hợp chức năng nhiệm vụ.

15. Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế và các cơ quan truyền thông, báo chí: phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở ban ngành, UBND cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và Nhân dân về nội dung Kế hoạch này một cách thường xuyên; thực hiện các giải pháp tại khoản 5 Mục IV; ứng dụng nền tảng truyền hình số (trực tuyến), nền tảng phát thanh số (trực tuyến); thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ theo phân công tại Phụ lục và các nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

16. Khuyến khích Thành Đoàn Huế chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tới tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai chuyển đổi số do Sở Khoa học và Công nghệ điều phối; phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ trên môi trường số.

17. Khuyến khích Liên đoàn Lao động thành phố, Hội Nông dân thành phố, Liên minh Hợp tác xã thành phố xây dựng kế hoạch hành động và chỉ đạo hệ thống tổ chức thành viên chủ động tham gia phát triển và ứng dụng công nghệ số phục vụ kinh tế số và xã hội số.

18. Khuyến khích Mặt trận Tổ quốc thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội trong thành phố phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện Kế hoạch. Hội, hiệp hội xã hội nghề nghiệp phát động hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng; tham gia cùng Sở Khoa học và Công nghệ trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn thành phố; tích cực tham gia cung cấp yêu cầu đầu vào để hỗ trợ xây dựng các nền tảng số; khuyến khích các doanh nghiệp thành viên tham gia kết nối, sử dụng các nền tảng số.

19. Các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp nhà nước

a) Các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp bưu chính ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bưu chính rộng khắp trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số. Đồng thời, cùng với các cơ quan nhà nước tham gia đào tạo, hướng dẫn người dân sử dụng các kỹ năng số.

b) Các doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm tiên phong chuyển đổi số, phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành; chuyển đổi thành các doanh nghiệp công nghệ số, hình thành hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ số xung quanh mảng kinh doanh lõi.

c) Các doanh nghiệp công nghệ số chủ động phát triển các nền tảng số, tham gia Chương trình phát triển nền tảng số quốc gia, giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế số, xã hội số; xây dựng hệ sinh thái nội dung hấp dẫn, lành mạnh để tạo thói quen trực tuyến cho người dân.

d) Các doanh nghiệp công nghệ số phối hợp với đầu mối các sở ban ngành, các trường đại học, cao đẳng xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng chuyên ngành công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng theo hướng kết hợp giữa lý thuyết - thực tế; sẵn sàng triển khai các chương trình “Đào tạo từ làm việc thực tế”, đón sinh viên cao đẳng, đại học vào thực tập và tiếp xúc sớm với môi trường doanh nghiệp.

đ) Các doanh nghiệp công nghệ số phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 5 Mục II; thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ, nội dung khác thuộc Kế hoạch phù hợp ngành nghề, lĩnh vực hoạt động.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Huế. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, chất lượng. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND thành phố (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, giải quyết./.

(Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 311/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế)

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành cấp thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức tại Mục V;
- CVP, PCVP và các CV;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hữu Thùy Giang

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ
GIẢI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ
(Kèm theo Kế hoạch số: 284 /KH-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2026
của UBND thành phố Huế)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian
A	PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG CHO KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ			
I	Hoàn thiện thể chế			
1.	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực để cụ thể hóa việc thúc đẩy giao dịch điện tử trong mọi mặt kinh tế - xã hội; xây dựng các chính sách để bảo đảm tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% tổng số hoạt động trong mỗi cơ quan, tổ chức, ngành, lĩnh vực	Sở KH&CN	Sở ban ngành liên quan; UBND cấp xã	2026 - 2030
2.	Phối hợp xây dựng, ban hành, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số, đặc biệt là tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng dịch vụ số trong từng ngành, lĩnh vực	Sở ban ngành liên quan	Sở KH&CN; UBND cấp xã	2026 - 2030
3.	Phối hợp xây dựng, báo cáo và tổ chức triển khai khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sand box) về công nghệ số	Sở KH&CN	Các đơn vị; Sở ban ngành liên quan	2026 - 2030
II	Phát triển hạ tầng			
4.	Tổ chức triển khai chiến lược, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch.	Sở ban ngành liên quan	UBND cấp xã	2026 - 2030
5.	Tập trung nguồn lực xây dựng phát triển Khu công nghệ thông tin tập trung để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số, nhân lực số.	Trung tâm CNTT thành phố	Sở Tài chính, Sở KH&CN; Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan	
6.	Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ	Sở KH&CN	UBND cấp xã	2026 - 2030

	lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng. Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số			
III Phát triển nền tảng số				
7.	Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số trên địa bàn thành phố; nâng cấp nền tảng Hue-S theo hướng cung cấp toàn diện các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho doanh nghiệp và người dân.	Sở KH&CN	Sở ban ngành liên quan; UBND cấp xã; doanh nghiệp triển khai	2026 - 2030
8.	Phối hợp nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển cũng như xác định rõ địa vị pháp lý của các nền tảng số quốc gia trên địa bàn thành phố	Sở KH&CN	Sở ban ngành liên quan	2026 - 2030
IV Phát triển dữ liệu số				
9.	Xây dựng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp thành phố	Sở KH&CN	Sở ban ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
V Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng				
10.	Đảm bảo yêu cầu An toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số	Sở KH&CN. Công an thành phố	Sở ban ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
11.	Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp	Sở KH&CN;	Sở ban ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
VI Phát triển nhân lực số				
12.	Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông	Sở GD&ĐT	UBND cấp xã	2026 - 2030
13.	Mở thêm chuyên ngành đào tạo về chuyển đổi số trong lĩnh vực, ngành, nghề tại các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học; đẩy mạnh đào tạo kỹ sư, cử nhân, cao đẳng các ngành công nghệ số, kinh tế số và xã hội số	Sở LĐ-TB&XH; Đại học Huế; các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
14.	Định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo dự báo về tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng tại Thừa Thiên Huế để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế và giới thiệu về một số	Sở LĐ, TB&XH; Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm CNTT thành phố, Hội CNTT&ĐTVT; Các đơn vị liên	2026 - 2030

	ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới		quan	
VII Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số				
15.	Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông	Sở KH&CN; các cơ sở đào tạo theo quy định	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
16.	Phối hợp xây dựng chuẩn kỹ năng số cho người sử dụng và nền tảng đánh giá sát hạch kỹ năng số. Hàng năm thực hiện sát hạch, đánh giá, công bố kỹ năng số của học sinh, sinh viên, công chức, viên chức, và người lao động trong các doanh nghiệp, tiến tới toàn dân và có phương án đào tạo, nâng cao kỹ năng số ở các cấp	Sở KH&CN	Sở ban ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
17.	Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, được trang bị phương tiện số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình	Sở KH&CN	Sở ban ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
18.	Triển khai các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ, tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản.	Sở KH&CN	Sở ban ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
VIII Phát triển doanh nghiệp số				
19.	Sử dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để làm thước đo chuyển đổi số của doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Định kỳ tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn	Sở KH&ĐT; Sở KH&CN	Hiệp hội DN thành phố	2026 - 2030
20.	Xây dựng và triển khai Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia. Có chính	Sở KH&ĐT; Sở KH&CN	Hiệp hội DN thành phố	2026 - 2030

	sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực đạt mức độ chuyển đổi số cao để hình thành các doanh nghiệp số; nhắc nhở, đôn đốc các doanh nghiệp chậm chuyển đổi số			
IX Phát triển thanh toán số				
21.	Triển khai Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị	Sở KH&CN; Sở Y tế; Sở GD&ĐT	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
B PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC				
I Phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp và Môi trường				
22.	Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng mà Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tại thành phố” (Phát triển kinh tế số, xã hội số Nông nghiệp và Môi trường).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
II Phát triển kinh tế số, xã hội số trong y tế				
23.	Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Y tế chủ trì tại thành phố.	Sở Y tế	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
III Phát triển kinh tế số, xã hội số trong giáo dục và đào tạo				
24.	Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì tại thành phố.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
IV Phát triển kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội				
25.	Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Nội Vụ chủ trì tại thành phố.	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
V Phát triển kinh tế số thương mại, công nghiệp và năng lượng				
V.1 Thương mại				
26.	Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Công Thương chủ trì tại thành phố.	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
27.	Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để mỗi một người dân là một doanh nhân	Sở Công Thương	Sở KH&CN; Sở NNPTNT; Trung tâm CNTT thành phố	2026 - 2030
V.2 Công nghiệp và Năng lượng				
28.	Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Công Thương chủ trì tại thành phố.	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030

VI Phát triển kinh tế số văn hóa thể thao du lịch				
29.	Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng mà Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tại thành phố.	Sở Văn hóa và Thể thao và Sở Du lịch	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
VIII Phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương				
30.	Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, địa phương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở KH&CN	2026 - 2030
31.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực, địa phương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở KH&CN	2026 - 2030
32.	Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực, địa phương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở KH&CN	2026 - 2030
33.	Tổ chức triển khai đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực, địa bàn	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở KH&CN	2026 - 2030
C CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ				
I Tổ chức, bộ máy, mạng lưới				
34.	Kiện toàn và tổ chức hiệu quả hoạt động Ban chỉ đạo Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 của thành phố, của các sở ban ngành, UBND cấp xã do người đứng đầu làm Trưởng ban.	Sở KH&CN; Sở ban ngành; UBND cấp xã		2026 - 2023
35.	Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khu phố, thôn	UBND cấp xã	UBND cấp xã; Sở KH&CN	
36.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ và các sở ban ngành, UBND cấp xã phù hợp với nội hàm quản lý, thúc đẩy chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	Sở Nội vụ	Sở KH&CN; Sở ban ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
37.	Tổ chức, phân công đơn vị là đầu mối chủ trì, chịu trách nhiệm triển khai, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong thực hiện Kế hoạch	Sở ban ngành; UBND cấp xã		2026 - 2030

II Hợp tác trong nước về phát triển kinh tế số, xã hội số				
38.	Đẩy mạnh hợp tác giữa Sở Khoa học và Công nghệ và từng sở ban ngành liên quan; giữa Sở Khoa học và Công nghệ với các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan ở trung ương.	Sở KH&CN	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
41.	Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số xuất sắc, chất lượng cao	Sở ban ngành	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
42.	Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số	Sở ban ngành	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
III Hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế số, xã hội số				
43.	Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào thành phố	Sở KH&CN; Trung tâm CNTT thành phố	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
44.	Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về kinh tế số, xã hội số	Sở ban ngành; UBND cấp xã	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
45.	Thực thi nghiêm túc, hiệu quả các cam kết quốc tế, trong đó có các cam kết liên quan đến kinh tế số, thương mại số và đặc biệt là trong xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên	Sở ban ngành; UBND cấp xã	Các đơn vị liên quan	2026 - 2030
IV Nghiên cứu, phát triển về kinh tế số và xã hội số				
46.	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới, kết hợp với các công nghệ mới, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở KH&CN, Trung tâm CNTT thành phố và các đơn vị liên quan	2026 - 2030
47.	Xây dựng và triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ số mang đặc thù của thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm CNTT thành phố và các đơn vị liên quan	2026 - 2030
48.	Tổ chức tìm kiếm, có chính sách hấp dẫn để chiêu mộ những chuyên gia hàng đầu về công nghệ số mới, công nghệ lõi, nền tảng số ở trong nước và nước ngoài về thành phố nghiên cứu phát triển, đầu tư kinh doanh. Thúc đẩy mạnh mẽ khởi nghiệp sáng tạo	Sở KH&CN; Sở Tài chính	Viện Nghiên cứu phát triển và các đơn vị liên quan	2026 - 2030

	về kinh tế số, đặc biệt là kinh tế số nền tảng và kinh doanh trực tuyến trên toàn thành phố			
49.	Xây dựng các khu nghiên cứu phát triển, thử nghiệm, ương tạo, hỗ trợ khởi nghiệp phát triển kinh tế số	Sở KH&CN	Sở KH&ĐT; Sở KH&CN; Viện Nghiên cứu phát triển; Đại học Huế và các đơn vị liên quan	2026 - 2030
V Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số và xã hội số				
50.	Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế số, xã hội số của thành phố và kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm kinh tế - xã hội	Sở KH&CN	Sở ban ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
51.	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông cấp thành phố đến cấp xã. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số	Sở KH&CN	Sở ban ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
52.	Sản xuất các tin, bài, phóng sự, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh, truyền hình; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số trên các kênh có đông khán thính giả	Sở KH&CN; Đài HueTV	Các cơ quan báo chí	2026 - 2030
VI Đo lường, giám sát triển khai				
53.	Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này ở cấp độ thành phố và xã	Sở Tài chính; Sở KH&CN	Sở ban ngành; UBND cấp xã và các đơn vị liên quan	2026 - 2030
54	Định kỳ hàng năm thực hiện điều tra, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường về xã hội số trong thành phố	Sở KH&CN	Sở ban ngành; UBND cấp xã và các đơn vị liên quan	2026 - 2030
VII Bảo đảm kinh phí cho phát triển kinh tế số và xã hội số				
55.	Huy động tối đa các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này bao gồm: ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác	Sở Tài chính	Sở ban ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030

55.	Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành và lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện	Sở Tài chính	Sở ban ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
57.	Hướng dẫn, ưu tiên chi cho chuyển đổi số, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, phân đầu tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số đạt 1% trong tổng chi ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Sở ban ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
VIII Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ số				
58.	Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số trong thành phố và đề xuất các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số theo chương trình, kế hoạch của trung ương	Sở Tài chính, sở KHCN	UBND cấp xã	2026 - 2030
59.	Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số theo chương trình, kế hoạch của trung ương	Sở Nội Vụ	Sở KH&CN; UBND cấp xã	2026 - 2030